

LÍ LẼ TRONG LẬP LUẬN TRÀO PHÚNG - CHÂM BIẾM

REASONING IN SATIRIC ARGUMENTATION

TRẦN TRỌNG NGHĨA

(ThS; Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP HCM)

Abstrat: Satiric argumentation is an effective tool to criticize bad habits and vices. We accept the formula: *humor + criticism = inspired reform*. In this paper, we present the roles of arguments in forming a satiric argumentation, namely, *directing and conveying the satiric message, supposing the situation and making confusion*. The third function - *making confusion* is the highest rate (48.3%). It reflects the way of thinking and using language of Vietnamese people.

Key words: reasoning, argument, satiric; argumentation; humor; culture.

1. Đặt vấn đề

Nói tới lập luận là nói tới lí lẽ. Một lập luận tốt phải có những lí lẽ tốt, những lí lẽ không đứng độc lập mà gắn kết nhau theo một hệ thống nhằm tạo cho lập luận có sức thuyết phục, đạt được mục tiêu mà chủ thể giao tiếp mong muốn. Lí lẽ được tạo ra trên cơ sở của lẽ thường. *Lẽ thường* gần nghĩa với *lẽ phải*. Tuy một số tác giả sử dụng thuật ngữ *lẽ thường* và *lí lẽ* tương đương nhau, nhưng chúng tôi quan niệm: *lẽ thường* là yếu tố “tĩnh” còn *lí lẽ* là yếu tố “động”, khi tranh luận người ta sử dụng một cách linh hoạt các lẽ thường để làm lí lẽ nhằm thuyết phục hay giành lợi thế trong lập luận, như kiểu lưỡng phân ngôn ngữ và lời nói của Saussure. Lập luận trào phúng bao gồm phần *trào* (tức *cái hài, cười*) và phần *phúng* (tức *mỉa mai, châm biếm*); công thức *humor + criticism = inspired reform* (*hài hước + phê phán = khích lệ sự sửa đổi tích cực*).

(1) Trong buổi thảo luận, sinh viên hỏi giáo sư: "Thưa thầy vì sao đàn ông quan hệ với nhiều người phụ nữ thì được gọi là đào hoa, còn phụ nữ quan hệ với nhiều người đàn ông thì bị coi là lãnh nhăng..."

- Các em thân mến! Thế này cho dễ hiểu nhé! Cái chìa khóa mà mở được nhiều ổ khóa thì ta gọi nó là chìa khóa vạn năng nhưng cái ổ khóa mà dùng chìa nào mở cũng được thì nó chỉ là cái ổ khóa vớt đi thôi các em ạ - Giáo sư trả lời. (theo vnexpress.net)

Vị giáo sư đã sử dụng lí lẽ để so sánh, liên tưởng sự tương đồng giữa ổ khóa và cô gái; có vẻ giống nhau về hình thức, thực ra là một sự so sánh dí dỏm để vui đùa và châm biếm. Lí lẽ trong một lập luận trào phúng đảm đương hai nhiệm vụ chính: gây cười và chuyển tải nội dung phê phán.

2. Lí lẽ trong lập luận trào phúng - châm biếm

Không có lí lẽ sẽ không có lập luận. Hai đặc điểm nổi bật nhất của lập luận trào phúng là *chủ đích của lập luận* và *lí lẽ*. Chủ đích của lập luận trào phúng là để phê phán, nói đùa mà như thật, nói thật mà như đùa, nói vậy nhưng không phải vậy. Cho nên người lập luận phải lựa chọn, cân nhắc các chiến lược nói năng hợp lí thì mới mong đạt được hiệu quả phê phán như mong đợi. Trong loại lập luận này, người nói đa phần

sử dụng lối nói hàm ngôn để luôn đảm bảo nguyên tắc lịch sự, tức là vấn đề giữ thể diện cho đối tượng bị phê phán. Hoàng Phê viết “*Khi muốn tác động nhiều, sâu sắc đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm của người nghe thì hình thức hàm ngôn thường thích hợp hơn, có hiệu lực hơn hình thức hiển ngôn*”. (HP 2003:116).

Tâm lý con người, thích được khen hơn bị chê, ưa chuộng lời hay, mới lạ hơn điều nhàm chán. Đặc biệt ở những lời “tế nhị” bao gồm *chê*, *chỉ trích* lại càng phải tinh tế. Những yêu cầu này không có gì thích hợp hơn là sử dụng chất trào phúng, dí dỏm, hài hước để diễn đạt. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy lí lẽ được sử dụng chủ yếu đảm đương những vai trò sau:

2.1. Sử dụng lí lẽ để dẫn dắt và chuyển tải thông điệp trào phúng

Để chuyển tải một thông điệp trào phúng, người lập luận sử dụng một hoặc một chuỗi lí lẽ, nhằm dẫn dắt, tạo ra những không gian ngữ nghĩa tác động lên người nghe. Mục đích gây sự chú ý hoặc tạo ra những bức xúc trước vấn đề được nêu. Các lí lẽ dùng để dẫn giải trong lập luận trào phúng không nhất thiết là các lẽ thường dùng để thuyết phục như trong các lập luận thông thường. Chúng có thể là những giả định, những điều nghịch lí hay thậm chí là phi lí, phi thực tế. Chức năng của các lí lẽ này cũng đồng thời tạo ra sự dí dỏm, hài hước. Trong một chừng mực nào đó, các lí lẽ lại chứa đựng các hạt nhân hợp lí hoặc nghe có vẻ hợp lí, có điều chúng hơi khác thường vì chúng ít được nói ra như các lẽ thường.

(2) Khổng Tử và các đệ tử

Tử Hạ hỏi Khổng Tử: Nhan Hôi (Hôi), Tử Cống(Tử), Tử Lộ (Do) và Tử Trương (Sư) là những người thế nào?

Khổng Tử nói: *Cái nhân của Hôi hơn ta. Cái biện của Tử hơn ta. Cái dũng của Do hơn ta. Cái nghiêm của Sư hơn ta.*

Tử Hạ thưa: Thế sao bốn người ấy lại còn phải đến học với thầy?

Khổng Tử nói: *Ngồi đây ta bảo cho: Ôi! Hôi biết nhân mà không biết lúc phải bắt nhân; Tử biết biện bác mà không biết lúc phải áp a áp ứng; Do biết dũng mà không biết có lúc phải nhút nhát; Sư trang nghiêm mà không biết có lúc phải ung dung để hòa đồng với mọi người. Gồm những cái của họ hơn ta mà đem đối cái ta không bằng họ, ta không đổi. Vì vậy, bốn người ấy phải thờ ta làm thầy mà không hai lòng.* (Cái cười của Thánh nhân - CCCTN).

“Khôn cũng chết, dại cũng chết, *biết* mới sống”, *biết* là một triết lí sống. *Biết* theo quan niệm của Nho giáo là thức thời, biết cách ứng xử hợp thời thế, hợp lẽ đạo. Lập luận hay nhất ở “*Gồm những cái của họ hơn ta mà đem đối cái ta không bằng họ, ta không đổi*”. Lấy cái hơn mà đối cái kém là một điều nghịch lí, người có cái kém lại không chịu đổi lấy cái hơn lại thêm nghịch lí. Lí lẽ này là một nghịch ngữ tạo sự bất ngờ thú vị. Kết luận: *Vì vậy, bốn người ấy phải thờ ta làm thầy mà không hai lòng* càng đầy nghịch ngữ lên cao trào của sự mâu thuẫn.

Thực sự, kết đề đồng thời là kết luận đã được lí giải bằng các lí lẽ:

L1: *Hôi biết nhân mà không biết lúc phải bắt nhân.*

L2: *Tử biết biện bác mà không biết lúc phải áp a áp ứng.*

L3: *Do biết dũng mà không biết có lúc phải nhút nhát.*

L4: *Sư trang nghiêm mà không biết lúc phải ung dung để hòa đồng với mọi người.*

Xuất phát từ tư tưởng trong Kinh Dịch “Quân tử lập bất dịch phương”. Người quân tử đứng ở chỗ bất biến để mà ứng với vạn biến, tức là phải “tri tiến thoái tồn vong chi đạo nhi bất thất kì chính dã”. Nhờ nắm vững vàng triết lí ấy mà Khổng Tử thu phục được các đệ tử có bản lĩnh hơn người.

(3) Ông chủ tịch tập đoàn Microsoft là người ...kì cục nhất... Trong khi tôi tích góp từng cái bì thư để mua đất, mua trang trại ...thì ông xách tiền đi cho... Ông khuyên sinh viên đầu tư cho chuyện học, còn tôi khuyên con mình nên đầu tư quan hệ với các con của sếp. Ở Việt Nam, học nhiều, học cao cũng chỉ đi làm thuê cho quan chức như tui tôi thôi ông Bill à! (TTC số 283)

Lí lẽ châm biếm: Những việc làm của ông Bill là không hợp thời, thể hiện ngay ở câu mở đầu: “Ông chủ tịch tập đoàn Microsoft là người ...kì cục nhất” cũng đồng thời là kết đề của chuỗi lí lẽ sau:

L1. Trong khi tôi tích góp từng cái bì thư để mua đất, mua trang trại ...thì ông xách tiền đi cho.

L2. Ông khuyên sinh viên đầu tư cho chuyện học, còn tôi khuyên con mình nên đầu tư quan hệ với các con của sếp.

L3. Học nhiều, học cao cũng chỉ đi làm thuê cho quan chức.

(4) Nhân ngày sinh nhật

Có tiếng gõ cửa, bà chủ nhà ra mở cửa và nhìn thấy một người ăn xin.

Người ăn xin: Mong bà tỏ lòng thương cho tôi xin một chiếc bánh ngọt có được không?

Bà chủ nhà: Thế một bát cơm không được sao?

Người ăn xin: Thưa bà, ngày thường thì bà cho gì cũng được nhưng hôm nay là sinh nhật của tôi ạ!

(Theo xitrum.net 11/2009)

Đó là lí lẽ dựa và lòng trắc ẩn của người khác. Người sử dụng loại lí lẽ này thường đưa ra những tiền đề có nội dung là một hoàn cảnh đáng thương nào đó đang cần sự giúp đỡ. Đó cũng là kiểu lập luận dùng để hạ mình khi xin xỏ, hay nhờ vả ai một điều gì đó. Kiểu lí lẽ này nằm trong hệ thống lí lẽ tình cảm - đạo đức. Lẽ thường “Phú quý sinh lễ nghĩa, bần cùng sinh đạo tặc”. Có khâm khảm thì người ta mới nghĩ tới những

chuyện tiệc tùng, đãi đằng. Nghịch lí ở chỗ người ăn mày - hoàn cảnh bần cùng nhưng không quên ngày sinh nhật và anh ta có hẳn kế hoạch xin quà để tổ chức sinh nhật cho mình. Xuất hiện một nét nghĩa châm biếm “Ăn mày lại đòi xôi gấc”, nhưng châm biếm vẫn chỉ là gọi một chút hài thôi. Điều đặc biệt trong tiểu phẩm này nằm ở chỗ mâu thuẫn đối lập: *Bần cùng nhưng không sinh đạo tặc mà lại là sinh lễ nghĩa*. Và điều quan trọng hơn là khó ai có thể từ chối một lời cầu xin như thế. Đó cũng chính là sự độc đáo trong lập luận của người ăn mày.

Như vậy, các lí lẽ được trình bày ở trên có tác dụng dẫn giải, biện bác nhằm phục vụ hai mục đích là gây cười và châm biếm. Có những lí lẽ đồng thời cũng là kết đề lập luận, có thể xuất hiện ở đầu, ở cuối hay bất cứ vị trí nào trong lập luận. Tất cả nhằm mục đích tối ưu hóa mục đích trào phúng và châm biếm của lập luận.

2.2. Sử dụng lí lẽ để giả định tình huống

Việc sử dụng lí lẽ để giả định các tình huống, nhằm tạo các tiền đề cơ sở cho kết đề. Chúng tôi đã thống kê các lí lẽ dùng cho mục đích này chiếm 27,11% trên tổng số ngữ liệu khảo sát, tương đương 96/354 tiêu phẩm.

(5) Nếu quốc tế mà họ ngờ ngẩn tổ chức một cuộc thi giao thông lộn xộn, lẩn tuyền, chở công kênh, giành đường vượt ẩu thì tôi e rằng chúng ta bỏ hết các huy chương vàng, bạc và đồng. Các huy chương đó không thuộc về nhân dân, bởi nhân dân không làm công tác quản lí. (Tuổi trẻ cười - TTC, 244)

Cấu trúc lập luận phổ biến: nếu ...thì chỉ điều kiện - kết quả.

Tuy nhiên nếu ...thì trong lập luận trào phúng thường tồn tại ở dạng, một trong hai vế hoặc cả hai sẽ là những giả định, đôi khi là sự giả định phi thực tế, vô lí đôi khi trái với lẽ thường.

Các giả định bất thường:

- quốc tế tổ chức một cuộc thi giao thông lộn xộn, lẩn tuyền ...”

- nhận được huy chương về mặt trật tự giao thông ...là chính quyền.

“...bởi nhân dân không làm công tác quản lí” là một kết đề ngầm ẩn mang nội dung châm biếm: Những người quản lí kém ở Việt Nam vẫn được nhận huy chương.

(6) *Đàng nào hơn*

Người bán hàng ở một hiệu buôn trong làng cổ thuyết phục người nông dân mua một chiếc xe đạp.

- Tôi thà bỏ tiền mua một con bò sữa còn hơn.

- Nhưng thử nghĩ mà coi, người bán hàng khăng khăng, trông anh thộn tới mức nào nếu cười con bò ấy mà đi.

Người nông dân đáp:

- Nhưng nếu tôi cố vắt chiếc xe đạp ấy cho ra sữa thì trông còn thộn gấp bội.

(Theo xitrum.net 3/2009)

Mâu thuẫn giữa mục đích và phương tiện khiến câu chuyện trở thành kiểu “ông nói gà bà nói vịt”. Mục đích của người bán hàng là cổ thuyết phục người nông dân mua xe đạp. Mục đích của người nông dân là mua bò. Sự trái khoáy xuất hiện khi người bán hàng lờ đi mục đích của người nông dân đồng thời cứ khăng khăng áp đặt áp đặt mục đích của mình vào. Và thế là người bán hàng đã tạo ra một hình ảnh so sánh khôi hài: *cười một con bò đi chỗ nọ chỗ kia...* Để bảo vệ lập trường của mình người nông dân sử dụng kiểu lập luận: *Lấy một điều ngược đời để chứng minh một điều ngược đời.*

Các lí lẽ dùng để giả định tình huống trong lập luận trào phúng có những đặc điểm chung: Tính siêu thực, siêu tưởng; Tính giả định, đôi khi vô lí.

Các mâu thuẫn vừa có lí vừa vô lí đôi khi cùng song song tồn tại. Điều này phụ thuộc nhiều vào nhận thức. Có những điều là hiển nhiên nhưng ta ít khi nhận ra là do quán tính của logic tư duy thông thường không quen

việc đặt vấn đề ngược lại. Khi có ai đó cố ý đặt vấn đề ngược sẽ gây ra những kích thích tâm lí thú vị, cách đặt vấn đề kiểu này là phương tiện tốt cho lập luận trào phúng - châm biếm.

2.3. *Sử dụng lí lẽ gây mơ hồ*

Khi dùng lí lẽ để gây mơ hồ, người lập luận tận dụng tối đa sự đa nghĩa của từ vào trong tình huống lập luận để tạo ra nét nghĩa đặc biệt gọi là *nghĩa lâm thời*. Trong truyện “Đậu phụ làng cần đậu phụ chùa” (Tiếng cười dân gian Việt Nam - TCDGVN), xuất phát từ chi tiết sư phụ lên ăn thịt chó, bị chú tiểu phát hiện, sư phụ bèn chối rằng đang ăn đậu phụ. Khi chó của làng cắn nhau với chó nhà chùa, chú tiểu liền quy chiếu “đậu phụ làng” cần “đậu phụ chùa”. Nghĩa lâm thời chỉ xuất hiện trong ngữ cảnh hẹp và tự nó mất đi khi không còn quy chiếu trong ngữ cảnh đó nữa.

Chúng ta còn nhớ hình ảnh bà già đi xem quẻ bói ở chợ Cầu Đông. Ở câu “...lấy chồng lợi chẳng (1) và ...lợi thì có lợi nhưng rằng không còn” (2)

Lợi (1) và *lợi* (2) hoàn toàn khác nhau về ý nghĩa thể nhưng thầy bói đã cố ý tạo mơ hồ làm một, đã tạo nên một tiếng cười châm biếm. Thực tế hiện tượng mơ hồ ngôn ngữ không chỉ có trong tiếng Việt mà hầu hết các ngôn ngữ đều có. Việc vận dụng hiện tượng mơ hồ để gây cười chúng tôi nhận thấy có hai phần riêng biệt: *Mơ hồ trong ngôn ngữ* và *Mơ hồ trong tình huống*. Trong phần này chúng tôi chỉ đề cập hiện tượng mơ hồ trong ngôn ngữ gây cười.

(7) *Quen rồi*

Vị giáo sư cau mày rời khỏi bục giảng, đánh thức một sinh viên đang ngủ gật.

- Anh không thấy bất tiện khi tôi đang giảng bài mà anh lại ngủ sao?

- Thưa thầy, không có gì đâu ạ. Nhà em là xưởng cơ khí, em quen ngủ với tiếng ồn rồi, xin thầy cứ tiếp tục đi ạ!

(Theo vnexpress.net 5/2008)

Bất tiện là một lối nói có hàm ý của vị giáo sư. Rằng ngủ trong lớp học là thiếu tôn trọng người khác. Người sinh viên ngủ ngày này suy luận lời thầy bằng cách hiểu *bất tiện* nghĩa là không khí của giảng đường làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng giấc ngủ của cậu ấy. Ngoài ra còn có một lí lẽ châm biếm khác, đó là so sánh ngầm *tiếng giảng bài* và *tiếng ồn*. Hiện tượng mơ hồ ngữ nghĩa tạo ra nghĩa lâm thời là một công cụ hiệu quả trong văn chương trào phúng. Có biết bao nhiêu những giai thoại văn chương, những câu đối, câu đố những bài thi phú v.v. tác giả dân gian đã dùng để đánh thẳng vào kẻ thù là bọn cường quyền bá đạo, hà hiếp người lương thiện. Sử dụng lí lẽ gây mơ hồ hay tạo nghĩa lâm thời chiếm 48,3% trên tổng số ngữ liệu khảo sát, tương đương 171/354 tiêu phẩm.

3. Kết luận

Lí lẽ là hạt nhân cơ sở của lập luận. Trong lập luận trào phúng, lí lẽ được dùng để tạo hàm ngôn phục vụ cho hai mục đích chính: *gây cười* và *truyền đạt nội dung châm biếm* đằng sau cái cười. Ba chức năng cơ bản của lí lẽ trong một lập luận trào phúng là: *giả định tình huống, dẫn dắt và chuyển tải thông điệp trào phúng* và *gây mơ hồ*. Trong đó, dùng lí lẽ để gây mơ hồ chiếm tỉ lệ khá lớn (48,3%). Điều đó phản ánh đặc điểm tư duy của người Việt: trọng thể diện, ưa chuộng kiểu nói tế nhị và hay nói vòng để giảm thiểu sự xung đột. Trào phúng là một phương tiện ngôn ngữ độc đáo và hữu hiệu trong phê phán. Việc nghiên cứu lập luận trào phúng có từ rất lâu rồi, ngày nay việc tiếp tục khảo cứu các kiểu nói năng đặc biệt này trên ngữ liệu tiếng Việt là một đề tài lí thú và hết sức cần thiết trong bối cảnh tiếng Việt hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (2006), *Đại cương ngôn ngữ học* (tập 2) Nxb Giáo dục.

2. Trương Chính - Phong Châu (1979), *Tiếng cười dân gian Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội.

3. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học* (tập 1), Nxb Giáo dục.

4. Nguyễn Đức Dân (2002), *Nỗi oan thì, là, mà*, Nxb Trẻ.

5. Nguyễn Đức Dân (1988), *Tiếng cười thế giới*, tập I, Nxb Khoa học Xã hội.

6. Triệu Truyền Đồng (1999), *Phương pháp biện luận – thuật hùng biện*, Nxb Giáo dục.

7. Hoàng Phê (2003), *Logic ngôn ngữ học*, Nxb Đà Nẵng.

8. Nguyễn Văn Trấn (1993), *Logic vui*, Nxb Chính trị Quốc gia.

9. Henri Bergson (1959), *Le rire (Tiếng cười)*, Phạm Xuân Độ dịch, Bộ quốc gia Giáo dục xuất bản.

(Ban biên tập nhận ngày 08-11-2013)

THÔNG BÁO

1. Được sự cho phép của Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông, công văn số: 1235/CBC-BCTU ngày 19/11/2013, bắt đầu từ số 1 năm 2014, tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống* sẽ tăng trang lên 80 trang. Theo đó, giá một cuốn tạp chí sẽ là 25.000đ.

2. Cũng bắt đầu từ số 1/2014, Tạp chí sẽ mở mục Diễn đàn “*Ngôn ngữ trong đời sống xã hội Việt Nam*” theo từng chủ đề cụ thể. Tại diễn đàn này, quý vị có thể trao đổi ý kiến hoặc nêu ý kiến của mình đối với chủ đề đang thảo luận. Dự kiến mỗi quý (03 số) thảo luận một chủ đề. Sau đó, Tạp chí sẽ tiến hành sẽ tổng kết. Trân trọng kính mời các quý vị tham gia.

3. Do khuôn khổ của Tạp chí nên **Tổng mục lục năm 2013** sẽ chuyển sang số 1 năm 2014.

Kính mời quý vị viết bài và đặt mua tạp chí.

Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống